

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-PT

Ngày 06-12-2022

*“V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng, tranh chấp nuôi con chung, chia
tài sản chung và nợ chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Lê Văn Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2022/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc *“Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung”*. Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 26/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, có mặt.

HKTT: Bon B, xã T2, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Chỗ ở: Thôn 1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Đ3 (có mặt) và ông Bùi Quang T3 (có đơn xin xét xử vắng mặt) là Luật sư văn phòng Luật sư Hoài An thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đăk Nông.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Nguyên Q, có mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã T2, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Trợ giúp viên pháp lý cho bị đơn: ông Y Lam (có đơn xin vắng mặt) và ông Hoàng Ngọc T4 (có mặt); Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở Tư pháp tỉnh Đăk Nông.

Địa chỉ: 01 Chu Văn An, phường N, TP. G, tỉnh Đăk Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đậu Thị M, vắng mặt.

Địa chỉ: Bon J, xã T2, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

3.2. Bà Nguyễn Thị D, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon J, xã T2, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

3.3. Ông Đậu Đức D1 và bà Nguyễn Thị H, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 09, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

NỘI D VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Hoàng Nguyên Q chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2000 (âm lịch), ông bà không có đăng ký kết hôn nguyên nhân là do không hiểu biết pháp luật. Thời gian chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế nên đã sống ly thân từ tháng 3/2017, nay bà T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Q.

Trong quá trình chung sống ông bà có 04 con chung là Hoàng Thị Yến N, sinh ngày 21/8/2001; Hoàng Thị Thúy M1, sinh ngày 10/11/2003; Hoàng Mạnh Q, sinh ngày 08/04/2005 và Hoàng Thị Kim C, sinh ngày 12/9/2008. Vì con chung Hoàng Thị Yến N và Hoàng Thị Thúy M1 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Hoàng Mạnh Q, sinh ngày 08/04/2005 và Hoàng Thị Kim C, sinh ngày 12/9/2008. Nguyên vọng của bà T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Bà T rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà và ông Q tạo lập được một khối tài sản chung bao gồm: 01 thửa số 97b, tờ bản đồ số 04, được UBND huyện Đắk Song cấp ngày 20/8/2012 tọa tại thôn 1, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, diện tích 225m²; 01 thửa đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại thôn 6, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông với diện tích theo kết quả đo đạc là 29.219m²; 01 máy tưới Đ3; 02 xe mô tô.

Đồng thời có ký gửi đại lý Trung M do chị Đậu Thị M làm đại diện hộ là 3.364,1 kg cà phê nhân xô; tại đại lý N1 do bà Nguyễn Thị D làm đại diện hộ là 2.900 kg cà phê nhân đủ độ và 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, số cà phê và tiền ký gửi này thì bà T và ông Q đã bán hết hiện nay không còn. Do đó, về tài sản ký gửi theo phản tố của ông Q bà T không đồng ý.

Đối với thửa đất số 26, 27 và 28, tờ bản đồ số 11 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Hoàng Nguyên Q và bà Nguyễn Thị T, diện tích theo giấy chứng nhận là 20.275 m², tọa lạc tại thôn 3, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, diện tích đo thực tế là 21.502,6m². Bà T cho rằng đây là tài sản riêng có trước hôn nhân, nguồn gốc bà T nhận chuyển nhượng của ông Lê L năm 1999, giá 10.000.000 đồng. Năm 2003 bà T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do bị cháy nên mới làm lại vào năm 2008, khi đó bà T mới sinh con không đi làm được nên ông Q đi làm các thủ tục liên quan, hộ khẩu có tên ông Q nên giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất mới có tên ông Q và bà T. Bà phát hiện có lên cơ quan có thẩm quyền hỏi, nhưng do bà T không có đơn từ cụ thể nên không được giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống với ông Q, có nợ ông Đậu Đức D1 và chị H là 28.700.000 đồng, theo xác nhận nợ cả gốc và lãi là 30.120.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị D 8.000.000 đồng; nợ bà Đậu Thị M 6.000.000 đồng, tổng cộng các khoản nợ là 42.700.000 đồng.

Đối với các yêu cầu mà ông Q đã rút nên bà T đồng ý không có ý kiến và yêu cầu gì. Đối với số cà phê 1.900 kg cà phê nhân gửi tại đại lý N1 tài sản này bà T và ông Q đã bán sử dụng vào mục đích chung của gia đình nên buộc ông Q phải đồng ý.

Từ những nội dung trên bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận bà T và ông Q là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị giao hai con chung Hoàng Mạnh Quyết và Hoàng Thị Kim Cương cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Bà T rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Số tài sản đã thỏa thuận, bà T và ông Q đã rút yêu cầu thì đề nghị Tòa án đình chỉ theo quy định của pháp luật.

Đối với số tài sản do ông Q phản tố và không thỏa thuận được gồm thửa đất số 26, 27 và 28, tờ bản đồ số 11 đứng tên ông Q và bà T do là tài sản của bà T nên bà T không đồng ý chia như yêu cầu của ông Q. Đối với số cà phê 1.900 kg cà phê nhân gửi tại đại lý Ngọc Đức bà T và ông Q đã bán sử dụng vào mục đích chung cho gia đình. Nay ông Q không đồng ý thì ông Q cung cấp chứng cứ và Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Về số nợ ông Đậu Đức D1 và chị Nguyễn Thị H theo xác nhận nợ số tiền gốc và lãi là 30.120.000 đồng. Ngày 14/7/2022 bà T đã trả 12.000.000 đồng. Hiện còn nợ lại 18.120.000 đồng, yêu cầu chia mỗi người $\frac{1}{2}$ số nợ.

2. Tại đơn phản tố, trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Nguyên Q trình bày:

Ông Q và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn và có 04 con chung như bà Nguyễn Thị T trình bày là đúng, không bổ sung gì. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là bà T hay ghen tuông, nghi ngờ, xúc phạm ông Q và gia đình ông Q, ngoài ra còn gọi anh em đến đánh ông Q, ông Q cũng không thể tiếp tục chung sống cùng bà T nữa, nên ông đồng ý với yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa ông Q và bà T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông đồng ý giao hai con chung Hoàng Mạnh Q và Hoàng Thị Kim C cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Bà T đã rút yêu cầu nên ông không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Đối với các tài sản chung mà ông Q và bà T đã rút thì yêu cầu Tòa án đình chỉ theo quy định.

Tại phiên tòa ông Q yêu cầu chia các tài sản gồm:

- Các thửa đất số 26, 27 và 28, tờ bản đồ số 11, diện tích theo giấy chứng nhận là 20.275 m², tọa lạc tại thôn 3, xã Trường Xuân, huyện Đắc Song, tỉnh

Đã Nông, ông Q yêu cầu chia tỷ lệ 40% trên tổng giá trị Toà án đã thẩm định, tương đương diện tích đất là 8.110m² trên tổng diện tích đất được cấp giấy chứng nhận là 20.275m².

Lý do yêu cầu chia tài sản trên là: Nguồn gốc số tiền để trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà bà T trả cho ông L 10.000.000 đồng (trong đó bà T trả trước 6.000.000 đồng, còn 4.000.000 đồng do bà H (chị gái của bà T sang nhà ông S mượn dùm về trả cho ông L). Sau này, ông Q là người trực tiếp trả số tiền này cho ông S, trả cho ông S vào 2003, số tiền này không liên quan đến bà T mà là tiền riêng, việc trả tiền này bà T, ông S và bà H biết. Đồng thời, tài sản này ông về sống chung cùng bà T từ năm 2000, tôn tạo và trồng cây trên đất. Khi làm giấy chứng nhận đứng tên 02 vợ chồng bà T không có ý kiến gì, gia đình chỉ có tài sản này để phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, ý kiến ông Q đây là tài sản được bà T đồng ý sáp nhập vào tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, nguồn gốc do bà T mua nên ông Q chỉ yêu cầu chia một phần tương đương công sức ông đóng góp và tôn tạo tài sản. Việc đi làm giấy chứng nhận do anh T4 cháu bà T đi làm nên bà T không thể nói là không biết tài sản đứng tên hai vợ chồng.

Tài sản trên đất khi bà T mua đã có được một ít, sau này về tạo dựng thêm mỗi năm một ít, còn cụ thể thì không nhớ. Tài sản tạo dựng trên đất như Tòa án đã thẩm định.

Đối với tài sản ký gửi: Số cà phê còn lại 1.900 kg gửi tại đại lý N1 bà T đã bán sử dụng vào mục đích riêng không có sự đồng ý của ông Q nên ông Q yêu cầu chia đôi, bà T phải trả lại cho ông số tiền tương đương là 950 kg.

Về khoản nợ chung: Về số nợ ông Đậu Đức D1 và chị Nguyễn Thị H theo xác nhận nợ số tiền gốc và lãi là 30.120.000 đồng. Ngày 14/7/2022 bà T đã trả 12.000.000 đồng. Hiện còn nợ lại 18.120.000 đồng, số nợ này bà T mua bán phân bón để đầu tư cho vụ mùa năm 2017, thời điểm này ông Q cũng đã ly thân nên ông không đồng ý số nợ này mà bà T là người có trách nhiệm trả.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đậu Thị M trình bày: Ngày 10/01/2017 bà T có vay của bà số tiền 6.000.000 đồng. Khi vay ông Q không có mặt. Ngoài ra, trong năm 2016, ông Q, bà T có gửi tại đại lý của bà lần thứ nhất là 680 kg cà phê nhân, sau đó bà T đã lấy 300kg cà phê nhân xô, ông Q lấy 380 kg cà phê nhân xô. Riêng khoản này thì hai bên đã thanh toán xong và hủy giấy tờ. Ngày 28/12/2016, ông Q, bà T có gửi là 2.706,1 kg cà phê nhân. số cà phê này, ông Q bà T đã lấy 1.206,1kg vào ngày 31/12/2016, còn lại 1.500 kg thì bà T đã lấy 800kg vào ngày 28/6/2017. Hiện nay, bà M còn giữ của ông (bà) 700kg cà phê nhân. Bà M đã được Tòa án giải thích về quyền có yêu cầu độc lập, nhưng vì không có thời gian nên bà không làm đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí. Ngày 14/7/2022, bà T đến bán 700 kg cà phê còn lại và trả cho bà cả gốc và lãi là 9.400.000 đồng, số tiền còn lại 20.000.000 đồng bà T đã nhận tiền. Vì vậy, nay số nợ bà T đã trả nên không còn liên quan đến vụ kiện, bà T và ông Q thoả thuận rút đối với yêu cầu này.

Bà Nguyễn Thị D trình bày: Ngày 08/12/2016 ông Hoàng Nguyên Q có mua ống nước tại đại lý của bà và nợ 3.000.000 đồng, ngoài ra bà T có vay tiền của bà 5.000.000 đồng, tổng cộng ông T, bà Q nợ bà 8.000.000 đồng. Ngoài ra, vào năm 2016, ông Q, bà T có gửi cà phê tại đại lý của bà số lượng

là 2.900 kg và 90.000.000 đồng tiền mặt. Tuy nhiên, bà và ông Q, bà T đã thanh toán với nhau đối với số cà phê và tiền mặt vào năm 2016 và đầu năm 2017. Hiện tại thì bà không còn giữ khoản tiền hay cà phê nào của hai vợ chồng bà T, các lần đến bán và lấy tiền đều có cả hai vợ chồng. Ngày 14/7/2022 bà T trả toàn bộ số nợ này, hiện nay không còn liên quan. Bà T đã rút yêu cầu này.

Ông Đậu Đức D1 và bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông Q, bà T có mua phân bón của đại lý D1 H, đến ngày 11/5/2017 các bên chốt nợ với nhau số tiền 30.120.000 đồng. Ngày 14/7/2022 bà T đến trả số tiền là 12.000.000 đồng, hiện còn nợ lại là 18.120.000 đồng đến nay bà T, ông Q vẫn chưa trả số tiền trên cho ông D1, bà H. Ông D1 đã có đơn yêu cầu độc lập, tuy nhiên ông D1 không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Bà T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về số nợ này, cụ thể chia theo phần mỗi người phải trả là 9.060.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh (nếu có).

4. Người làm chứng:

Ông Lê L trình bày: Năm 1999, ông có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T ở Bon Bu Pah, xã Trường Xuân 01 thửa đất diện tích khoảng 02 ha với giá 10.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng trên đất đã có cà phê trên diện tích khoảng 1,8ha, còn lại là đất trống, tại thời điểm chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông chuyển nhượng cho một mình bà T và bà T là người giao tiền trực tiếp cho ông tại nhà ông T4, việc này có ông T4 chứng kiến.

Người làm chứng ông Lê Tất T4 trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 26, 27, 28 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại thôn 03, xã Trường Xuân là bà T mua của ông Lê L vào khoảng tháng 3/1999. Lúc đó bà T không đủ tiền nên vợ chồng ông vay thêm giúp cho bà T 3.000.000 đồng. Thời điểm này, bà T và ông Q chưa ở với nhau. Do nhà bà T làm nhà tạm nên bà T không để giấy chứng nhận trong nhà mà mang sang gửi cho vợ chồng ông. Cuối năm 1999, nhà của ông bị cháy nên cháy luôn cả bìa đỏ của bà T. Khoảng 2 đến 3 năm sau vợ chồng ông mới lên UBND xã làm lại thủ tục cấp bìa cho bà T, ông và vợ ông đi làm đơn yêu cầu cấp lại bìa đỏ thì được yêu cầu phải cung cấp chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu. Ông Q là người cung cấp các giấy tờ trên. Do đó việc cấp lại bìa đỏ cho bà T khi nào vợ chồng ông không được biết, và cũng không biết việc bà T có khiếu nại tại UBND xã Trường Xuân hoặc cơ quan có thẩm quyền hay không.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Số tiền 4.000.000 đồng là bà H nhờ bà T đưa cho anh S về trả cho bà N (mẹ anh S), khi anh S đến nhà bà T chơi, không thể hiện số tiền này liên quan đến bà T hay ông Q.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 26/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị T và yêu cầu phản tố của ông Hoàng Nguyên Q đối với các tài sản sau:

- Thửa 97b, tờ bản đồ 4, cấp cho ông Hoàng Nguyên Q và bà Nguyễn Thị T diện tích là 225m², tọa lạc tại thôn 01, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 002439;

Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 70, diện tích 24.657,5m² tọa lạc tại thôn 06, xã Trường Xuân, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 máy tưới Đông Phong; 02 xe mô tô. 01 lô đất diện tích rộng 10m x 50m, tại thôn 5, xã Đăk Ha, huyện Đăk G'Long, tỉnh Đăk Nông; 6000kg cà phê nhân xô bà T thu của vụ mùa năm 2017. 3.364,1 kg cà phê gửi tại đại lý M Trung do chị Đậu Thị M đại diện hộ, tài sản này hiện bà T và ông Q đã bán để phục vụ sinh hoạt gia đình. 1000 kg cà phê nhân xô và 90.000 đồng gửi tại đại lý Ngọc Đức do bà Nguyễn Thị D làm đại diện hộ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và yêu cầu phản tố của ông Hoàng Nguyên Q.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Nguyên Q.

2.2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hoàng Mạnh Q, sinh ngày 08/04/2005; cháu Hoàng Thị Kim C, sinh ngày 12/9/2008 cho bà Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ông Hoàng Nguyên Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung:

2.3.1. Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với các thửa đất số 26, 27 và 28, tờ bản đồ số 11, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20.275m², đứng tên hộ ông Hoàng Nguyên Q và bà Nguyễn Thị T, đất tọa lạc tại thôn 3, xã Trường Xuân, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, số AM 520382 do UBND huyện Đăk Song cấp ngày 16/4/2008.

Vị trí các cạnh: phía Nam giáp các thửa đất số 32,32a, 29 (rẫy ông Th); Phía Đông giáp suối và rẫy ông H; Phía Tây giáp các thửa số 23,24,25 (rẫy ông K); Phía bắc giáp suối.

2.3.2. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Hoàng Nguyên Q số tiền chênh lệch được chia tài sản chung tương đương với phần ông Hoàng Nguyên Q được hưởng trên tổng số tài sản được giao cho bà Nguyễn Thị T là 353.068.000 (Ba trăm năm mươi ba triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

2.3.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hoàng Nguyên Q đối với số cà phê tương ứng với phần tài sản ông Q yêu cầu chia là 950kg.

2.3.4. Về nợ chung: Đình chỉ về yêu cầu giải quyết nợ chung đối với bà Nguyễn Thị D số tiền 8.000.000 đồng và bà Đậu Thị M số tiền cả gốc và lãi là 9.400.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Nguyên Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đậu Đức D1 và bà Nguyễn Thị Hoàn số tiền phân bón còn nợ là 18.120.000 đồng, chia theo phần, mỗi người phải trả là ông D1 và bà H số tiền là 9.060.000 đồng (Chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm,

không chia tài sản đối với các thửa đất số 26, 27 và 28, tờ bản đồ số 11, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20.275m², đứng tên hộ ông Hg Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị T, đất tọa lạc tại thôn 3, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, số AM 520382 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 16/4/2008 vì đây là tài sản riêng của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 26/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà T và ông Q, nhưng lại áp dụng Điều 213 của Bộ luật dân sự để chia tài sản giữa bà T và ông Q là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chia tài sản đối với các thửa đất số 26, 27 và 28, tờ bản đồ số 11, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20.275m², đứng tên hộ ông Hoàng Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị T, theo giấy chứng nhận QSD đất số AM 520382 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 16/4/2008 vì đây là tài sản riêng của bà T.

Trợ giúp viên pháp lý cho bị đơn đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữa nguyên bản án sơ thẩm số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện và đã được làm rõ tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng, giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung*” là phù hợp.

[3]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[3.1]. Về chia tài sản khi ly hôn: Quá trình chung sống bà T và ông Q tạo lập được một khối tài sản chung gồm: thửa số 97b, tờ bản đồ số 04, được UBND huyện Đắk Song cấp ngày 20/8/2012; 01 thửa đất chưa có giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại thôn 6, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông với diện tích theo kết quả đo đạc là 29.219m²; 01 máy tưới Đông Phong; 02 xe mô tô ký gửi cả phê nhân xô tại một số cửa hàng nông sản. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút các yêu cầu này nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

[3.2] Đối với các thửa đất số 26, 27 và 28, tờ bản đồ số 11, diện tích theo giấy chứng nhận là 20.275 m², tọa lạc tại thôn 3, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, diện tích đo thực tế là 21.502,6m².

Về số tiền chuyển nhượng: Ông Q cho rằng bà T trả trước số tiền chuyển nhượng cho ông L 6.000.000 đồng, còn 4.000.000 đồng do bà Hải là chị gái của bà T sang nhà ông Sơn mượn dùm về trả cho ông L. Sau này, ông Q là người trực tiếp dùng số tiền riêng cho ông Sơn vào 2003 nhưng ông không có tài liệu chứng minh và lời khai này không được bà T thừa nhận.

Căn cứ lời khai có trong hồ sơ vụ án thì các thửa đất số 26, 27 và 28, tờ bản đồ số 11 là của bà T có trước khi sống chung với ông Q, năm 2003 bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó do bị cháy nên năm 2008 làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đứng tên hộ ông Q và bà T.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận, sau khi nhận chuyển nhượng và sống chung với nhau thì có trồng thêm cây và cải tạo tài sản trên đất. Số tiền có được từ các nguồn thu thì ông Q, bà T đã nhận chuyển nhượng thửa số 97b, tờ bản đồ số 04, được UBND huyện Đắk Song cấp ngày 20/8/2012; 01 thửa đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại thôn 6, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và đã tự thỏa thuận chia đôi với hai tài sản này.

Xét về nguồn gốc các thửa đất số 26, 27 và 28, tờ bản đồ số 11, diện tích theo giấy chứng nhận là 20.275 m², tọa lạc tại thôn 3, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông do bà T nhận chuyển nhượng trước khi sống chung với ông Q.

Tại kết quả xem xét thẩm định thể hiện diện tích đất của 03 thửa đất gồm 26; 27; 28 tờ bản đồ 11 có diện tích mỗi thửa không bằng nhau, bị gập khúc nếu chia theo tỷ lệ 20 % mà ông Q được hưởng thì sẽ khó khăn trong việc canh tác, sử dụng. Hơn nữa, các con chung hiện ở với bà T, bà T cần phải có nguồn thu nhập để nuôi con. Căn cứ kết quả chứng thư thẩm định toàn bộ đất 507.686.000 đồng; cây trồng trên đất 363.703.600 đồng; công trình trên đất là 11.283.248 đồng. Tổng cộng là 882.672.000 đồng. Do đó, bà T phải hoàn trả lại cho Hoàng Nguyên Q số tiền 176.535.000 đồng.

[4]. Đối với yêu cầu không chia tài sản chung các thửa đất số 26, 27 và 28, tờ bản đồ số 11, diện tích theo giấy chứng nhận là 20.275 m², tọa lạc tại thôn 3, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông cấp cho hộ bà T, ông Q. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là không phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên HĐXX không chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do bà Nguyễn Thị T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí.

[7]. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 10/8/2022 của TAND huyện Đắk Song.

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; khoản 2 Điều 219; Điều 264; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 208, 219, 220, khoản 4 điều 221, 225 Bộ luật dân sự; các Điều 14, 15, 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị T và yêu cầu phản tố của ông Hoàng Nguyên Q đối với các tài sản sau: Thửa 97b, tờ bản đồ 4, cấp cho ông Hoàng Nguyên Q và bà Nguyễn Thị T diện tích là 225m², tọa lạc tại thôn 01, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 002439; Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 70, diện tích 24.657,5m² tọa lạc tại thôn 06, xã Trường Xuân, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 máy tưới Đông Phong; 02 xe mô tô; 01 lô đất diện tích rộng 10 m x 50 m, tại thôn 5, xã Đắk Ha, huyện Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông; 6000kg cà phê nhân xô bà T thu của vụ mùa năm 2017; 3.364,1 kg cà phê gửi tại đại lý M1, tài sản này hiện bà T và ông Q đã bán để phục vụ sinh hoạt gia đình; 1000 kg cà phê nhân xô và 90.000 đồng gửi tại đại lý N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và yêu cầu phản tố của ông Hoàng Nguyên Q.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Nguyên Q.

2.2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hoàng Mạnh Q, sinh ngày 08/04/2005; cháu Hoàng Thị Kim C, sinh ngày 12/9/2008 cho bà Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ông Hoàng Nguyên Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng: Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung:

2.3.1. Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với các thửa đất số 26, 27 và 28, tờ bản đồ số 11, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20.275m², đứng tên hộ ông Hoàng Nguyên Q và bà Nguyễn Thị T, đất tọa lạc tại thôn 3, xã Trường Xuân, huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông, số AM 520382 do UBND huyện Đắc Song cấp ngày 16/4/2008.

Vị trí các cạnh: phía Nam giáp các thửa đất số 32,32a, 29 (rẫy ông T1); Phía Đông giáp suối và rẫy ông H; Phía Tây giáp các thửa số 23,24,25 (rẫy ông K); Phía bắc giáp suối.

2.3.2. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Hoàng Nguyên Q số tiền chênh lệch được chia tài sản chung tương đương với phần ông Hoàng Nguyên Q được hưởng trên tổng số tài sản được giao cho bà Nguyễn Thị T là 176.535.000 đồng (*một trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

2.3.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hoàng Nguyên Q đối với số cả phê tương ứng với phần tài sản ông Q yêu cầu chia là 950kg.

2.3.4. Đình chỉ về yêu cầu giải quyết nợ chung đối với bà Nguyễn Thị D số tiền 8.000.000 đồng và bà Đậu Thị M số tiền cả gốc và lãi là 9.400.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Nguyên Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đậu Đức D1 và bà Nguyễn Thị H số tiền phân bón còn nợ là 18.120.000 đồng, chia theo phần, mỗi người phải trả là ông D1 và bà H số tiền là 9.060.000 đồng (*Chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản 38.000.000 đồng, bà T phải chịu là 19.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền bà T đã nộp tạm ứng tại Tòa án. Ông Hoàng Nguyên Q phải chịu 19.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền ông Q đã nộp 8,000,000 đồng, ông Q còn phải chịu là 11.000.000 đồng để hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ án phí.

Ông Hoàng Nguyên Q phải chịu án phí là 11.460.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nộp tạm ứng án phí là 7.733.500 đồng theo biên lai số 0000456 ngày 26/10/2017, tại chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Hồng Chương